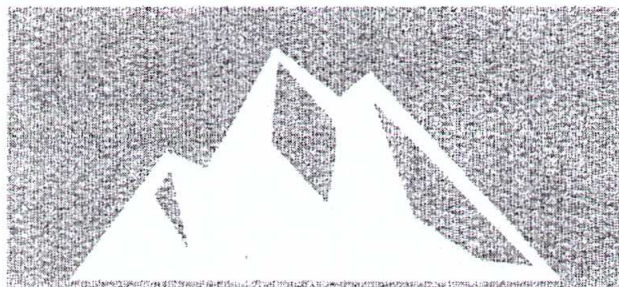


TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1 TNHH MTV
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG FICO TÂY NINH



XI MĂNG FICO

GẮN KẾT NHỮNG LÒNG MƠ

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG FICO TÂY NINH

TP. HCM THÁNG 02 NĂM 2015



9/

Điều 24 :	Phương thức hoạt động.	Trang 16
Điều 25 :	Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông.	Trang 17
Điều 26 :	Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông .	Trang 17
Điều 27 :	Đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền.	Trang 18
Điều 28 :	Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông.	Trang 19
Điều 29 :	Sổ biên bản.	Trang 10
Điều 30 :	Yêu cầu hủy nghị quyết.	Trang 20
B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY		Trang 21
Điều 31 :	Hội đồng Quản trị	Trang 21
Điều 32 :	Cơ cấu Hội đồng Quản trị.	Trang 21
Điều 33 :	Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị.	Trang 22
Điều 34 :	Thành viên Hội đồng Quản trị.	Trang 23
Điều 35 :	Điều kiện, thể thức họp Hội đồng Quản trị.	Trang 24
Điều 36 :	Nguyên tắc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị.	Trang 25
Điều 37 :	Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	Trang 25
C. BAN KIỂM SOÁT		Trang 26
Điều 38 :	Cơ cấu, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.	Trang 26
Điều 39 :	Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.	Trang 26
D. TỔNG GIÁM ĐỐC		Trang 27
Điều 40 :	Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc Công ty.	Trang 27
Điều 41 :	Các hợp đồng phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.	Trang 28
Điều 42 :	Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.	Trang 29
Điều 43 :	Nhân viên.	Trang 29
CHƯƠNG V : CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP CÁC QUỸ.		Trang 30
Điều 44 :	Năm tài chính.	Trang 30
Điều 45 :	Kế toán.	Trang 30
Điều 46 :	Mục tiêu và nguyên tắc đầu tư.	Trang 31
Điều 47 :	Quyền về tài chính.	Trang 31
Điều 48 :	Chi cổ tức và lập các quỹ.	Trang 31
Điều 49 :	Giải quyết các khoản lỗ.	Trang 32
Điều 50 :	Kiểm toán độc lập.	Trang 32
Điều 51 :	Quỹ dự phòng tài chính.	Trang 32
CHƯƠNG VI : CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG		Trang 33
Điều 52 :	Tuyển dụng	Trang 33
Điều 53 :	Chế độ và quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Công ty.	Trang 33
CHƯƠNG VII : TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TRANH TỤNG.		Trang 33
Điều 54 :	Tổ chức lại Công ty.	Trang 33
Điều 55 :	Giải thể Công ty.	Trang 33
Điều 56 :	Gia hạn hoạt động.	Trang 34

Điều 57 :	Thanh lý công ty.	Trang 34
Điều 58 :	Phá sản.	Trang 34
Điều 59 :	Bảo đảm.	Trang 35
Điều 60 :	Bảo hiểm.	Trang 35
Điều 61 :	Giải quyết tranh chấp giữa các Cổ đông Công ty.	Trang 35
Điều 62 :	Tranh tụng.	Trang 35

CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.

Điều 63 :	Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể.	Trang 35
Điều 64 :	Các quy định khác.	Trang 35
Điều 65 :	Con dấu.	Trang 35
Điều 66 :	Hiệu lực thi hành.	Trang 36
Điều 67 :	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty.	Trang 36
Điều 68 :	Điều khoản thi hành.	Trang 36

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xi Măng FICO Tây Ninh (TAFICO) thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành nghị quyết nghị quyết thông qua việc sửa đổi bổ sung Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2015.

PHẦN MỞ ĐẦU

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a. "**Vốn Điều lệ**" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại khoản 5.1 của Điều lệ này.
 - b. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - c. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "**Người quản lý**" Bao gồm
 - "**Cán bộ quản lý chủ chốt**" là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Nhà máy Xi măng Tây Ninh.
 - "**Cán bộ Quản lý**" bao gồm: Giám đốc các bộ phận, Giám đốc các Xí nghiệp, Chi nhánh, Người được Công ty cử giữ chức vụ quản lý, Đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp mà Công ty mua cổ phần hoặc góp vốn.
 - e. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "**Thời hạn hoạt động**" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 1.3, điều 1 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "**Việt Nam**" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG I

PHẠM VI TRÁCH NHIỆM

Điều 1: Hình thức pháp lý, phạm vi trách nhiệm - Mục tiêu - Thời hạn hoạt động

1.1 Hình thức pháp lý, phạm vi trách nhiệm

Công ty Cổ Phần Xi măng FiCO Tây Ninh ("Công ty") là Công ty Cổ Phần, theo đó:

- 1.1.1 Các Cổ đông pháp nhân hay thể nhân cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp.
- 1.1.2 Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, hạch toán độc lập, tự chủ tài chính trong hoạt động kinh doanh phù hợp với Điều lệ Công ty và pháp luật hiện

hành, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo luật định.

- 1.1.3 Công ty có các quyền và nghĩa vụ dân sự, tự chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh trong phạm vi số vốn do Công ty quản lý.

1.2 Mục tiêu, ngành nghề hoạt động và kinh doanh

Mục tiêu của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

Ngành nghề kinh doanh:

1. Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao:

Chi tiết: Sản xuất xi măng, xi măng đặc chủng, xi măng bền sulfat, xi măng chịu nhiệt.

2. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.

3. Xây dựng nhà các loại.

4. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương :

Chi tiết: Vận tải hàng hóa ven biển.

5. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

6. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

7. Sản xuất sản phẩm từ plastic: chi tiết:

Sản xuất bao bì từ plastic.

8. Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

9. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

10. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

11. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

12. Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.

13. Sửa chữa máy móc thiết bị

14. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

15. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

16. Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không).

17. Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

18. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

19. Khai thác đá, sỏi, đất sét.

20. Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa.



- 21. Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- 22. Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- 23. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- 24. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- 25. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Phạm vi hoạt động: Trong và ngoài nước.

1.3 Thời hạn hoạt động :

Công ty tồn tại và hoạt động 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 2: Tên gọi - trụ sở - người đại diện theo pháp luật của Công ty

2.1 Tên gọi

- a) Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG FICO TÂY NINH
- b) Tên giao dịch : FICO TAY NINH CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- c) Tên viết tắt : TAFICO

2.2 Trụ sở Công ty :

- Địa chỉ : 433 Đường 30-4 , thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại : 066.3829597 Fax :066.3739199
- E.mail :
- Website :

Trụ sở chính của Công ty có thể thay đổi theo quyết định của Hội đồng Quản trị (HĐQT) phù hợp với luật pháp Việt Nam.

Chi nhánh và Văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước và ngoài nước được thành lập theo các Quyết định của Hội đồng Quản Trị Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Biểu tượng của Công ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định và đăng ký bảo hộ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.3 Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là Đại diện theo pháp luật của Công ty. Cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo nghị quyết của HĐQT. Tùy theo hoạt động thực tiễn của Công ty thì Chủ tịch HĐQT cùng Tổng giám đốc có văn bản đề nghị HĐQT xem xét quyết định Người đại diện theo pháp luật.

2.4 Quyền của người đại diện theo pháp luật

- Nhân danh Công ty xác lập, thực hiện giao dịch dân sự vì lợi ích của Công ty.
- Đại diện đương nhiên cho Công ty về cả đối nội lẫn đối ngoại.
- Ký kết hợp đồng, thỏa thuận, thực hiện các giao dịch .v.v.
- Quyết định về tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh, tổ chức nhân sự, quản lý, sử dụng tài khoản, con dấu của Công ty và các quy định khác theo quy định của Pháp luật.



CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 3: Quyền của Công ty

- 3.1 Định đoạt, sử dụng, nâng cấp, cải tiến, mua, bán, thuê và cho thuê, chuyển nhượng, cho tặng, cầm cố, thế chấp tất cả các động sản và/hoặc bất động sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác thuộc sở hữu của Công ty.
- 3.2 Chủ động lựa chọn lĩnh vực và địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn và mua cổ phần của doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trên địa bàn cả nước.
- 3.3 Tìm kiếm thị trường và khách hàng, ký kết hợp đồng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc nhận bảo lãnh, hoặc các nghĩa vụ khác.
- 3.4 Chủ động lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, kể cả huy động vốn bằng cách phát hành cổ phiếu và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng theo quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
- 3.5 Tuyển dụng, thuê mướn và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- 3.6 Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
- 3.7 Chủ động thực hiện các công việc và hoạt động cần thiết khác mà luật pháp không cấm nhằm đạt được mục tiêu của Công ty.
- 3.8 Lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo luật định.
- 3.9 Phát hành, chuyển nhượng và bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- 3.10 Tham gia niêm yết tại thị trường chứng khoán Việt Nam và Quốc Tế theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật.
- 3.11 Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- 3.12 Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 3.13 Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

Điều 4: Nghĩa vụ của Công ty :

- 4.1 Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký.
- 4.2 Lập sổ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác theo qui định của nhà nước.
- 4.3 Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- 4.4 Bảo đảm chất lượng hàng hóa và dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- 4.5 Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh; khi phát hiện các

thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo, thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- 4.6 Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn.
- 4.7 Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.
- 4.8 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

CHƯƠNG III

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

Điều 5 : Vốn Điều lệ và phương thức góp vốn Điều lệ

- 5.1 Vốn Điều lệ của Công ty:
Vốn Điều lệ của Công ty là **750.000.000.000 đồng** được chia thành **75.000.000** cổ phần (**Bảy mươi lăm triệu**), mỗi cổ phần trị giá 10.000 đồng. Danh sách cổ đông, Số tiền vốn góp, tỷ lệ vốn góp được liệt kê chi tiết trong phụ lục và là bộ phận không thể tách rời của Điều lệ này.
- 5.2 Vốn Điều lệ sẽ được tiến hành góp theo đúng thủ tục và kỳ hạn quy định từng thời kỳ, dựa theo luật Doanh Nghiệp. Vốn Điều lệ của Công ty do các Cổ đông tự nguyện đóng góp bằng tiền, tài sản hợp pháp của mình.
Tiến độ góp vốn Điều lệ căn cứ thực tiễn đầu tư, sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Hội Đồng Quản Trị có biện pháp chế tài đối với những trường hợp góp vốn không đúng kỳ hạn.
- 5.3 Tăng hoặc giảm vốn Điều lệ:
 - 5.3.1 Tăng vốn góp của các Cổ đông hiện có bằng việc góp vốn bổ sung và/ hoặc thông qua việc chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - 5.3.2 Điều chỉnh tăng mức vốn Điều lệ tương ứng với giá trị tài sản tăng lên của Công ty như việc giữ lại lợi nhuận để chuyển thành phần góp vốn cho các Cổ đông;
 - 5.3.3 Tiếp nhận vốn từ các Cổ đông mới thông qua việc phát hành cổ phiếu mới. Thủ tục phát hành cổ phiếu mới được quy định tại Điều 9 Điều lệ này.
 - 5.3.4 Chuyển quỹ dự trữ và quỹ tích lũy thành vốn Điều lệ
 - 5.3.5 Tái đầu tư một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa chia.
 - 5.3.6 Điều chỉnh giảm mức vốn Điều lệ tương ứng với giá trị tài sản giảm xuống của Công ty
 - 5.3.7 Công ty có thể giảm vốn theo số lượng và cách thức do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) quyết định phù hợp với các quy định của luật pháp, trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.
- 5.4 Sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông điều chỉnh (tăng hoặc giảm) vốn Điều lệ, chậm nhất là 07 ngày làm việc Công ty phải đăng ký với cơ quan Đăng ký kinh doanh trước khi thực hiện việc thay đổi và công bố vốn Điều lệ mới của mình theo quy định của pháp luật.
- 5.5 Vốn Điều lệ được sử dụng cho các hoạt động :
 - 5.5.1 Mua sắm tài sản cố định và các hệ thống thiết bị, máy móc... cần thiết cho hoạt

động của Công ty, đổi mới công nghệ.

5.5.2 Làm vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

5.5.3 Góp vốn liên doanh, liên kết với các pháp nhân và thể nhân khác.

5.5.4 Mua cổ phiếu và trái phiếu khi xét thấy cần phải đầu tư vì lợi ích của Công ty.

5.6 Không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các Cổ đông dưới mọi hình thức.

Điều 6: Vốn vay và phương thức huy động

6.1 HĐQT được quyền quyết định việc vay vốn, huy động vốn từ những nguồn khác ngoài vốn Điều lệ. Số tiền vay lớn hơn vốn Điều lệ phải được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

6.2 Việc huy động vốn vay thông qua hình thức phát hành trái phiếu Công ty được quy định tại Điều 9 Điều lệ này.

Điều 7: Cổ phần

7.1 Cổ phần phổ thông

Cổ phần phổ thông là loại cổ phần mà người sở hữu nó không được hưởng sự ưu đãi nào. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ đông phổ thông. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

7.2 Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập

Các cổ đông cam kết tiếp tục cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần công ty đã phát hành

Điều 8 : Trái phiếu

8.1 Trái phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu của Chủ trái phiếu đối với trái phiếu. Chủ trái phiếu không có quyền tham dự vào các quyết định của Công ty. Nội dung và hình thức của trái phiếu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp trái phiếu được phát hành dưới dạng bút toán ghi sổ, người mua trái phiếu sẽ được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu.

8.2 Trái phiếu Công ty được phát hành bao gồm:

8.2.1 Trái phiếu thường là loại trái phiếu không chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty, những trái phiếu này được đảm bảo toàn bộ hoặc một phần bằng tài sản đảm bảo của Công ty hoặc một tổ chức thứ ba.

8.2.2 Trái phiếu chuyển đổi : là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông, những trái phiếu này không được bảo đảm bằng tài sản mà được bảo đảm bằng uy tín của Công ty. Mỗi đợt phát hành phải có các quy định về :

- a. Điều kiện, thời hạn tiến hành chuyển đổi;
- b. Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá chuyển đổi;
- c. Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp Công ty không phát hành được cổ phiếu để đáp ứng quyền chuyển đổi;
- d. Các điều khoản khác (nếu có).

Điều 9: Phát hành Cổ phiếu, trái phiếu

Công ty phát hành cổ phiếu, trái phiếu bằng cách :

- 9.1 Phát hành trực tiếp (không qua Công ty chứng khoán). Hình thức phát hành này chịu sự điều chỉnh của luật doanh nghiệp.
 - 9.1.1 HĐQT quyết định việc phát hành trái phiếu. Mỗi đợt phát hành sẽ có quy định cụ thể riêng.
 - 9.1.2 Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc phát hành cổ phiếu.
- 9.2 Phát hành thông qua Công ty chứng khoán. Hình thức phát hành này chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh Nghiệp và các quy định của pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
- 9.3 Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc Công ty tham gia thị trường chứng khoán với số phiếu đồng ý tối thiểu là $\frac{1}{4}$ số phiếu biểu quyết hợp lệ của số đại diện tham dự phiên họp. Đại hội đồng Cổ đông sẽ thông qua các nội dung cơ bản trong đơn và các vấn đề khác có liên quan đối với việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng.

Điều 10: Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần

10.1 Chuyển nhượng cổ phần

Cổ đông của Công ty được tự do mua bán, chuyển nhượng, cầm cố thế chấp cổ phần mà mình sở hữu, trừ các trường hợp hạn chế sau:

- 10.1.1 Cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện các giao dịch nói trên trong suốt thời gian tại chức nhưng phải cùng nhau giữ lại ít nhất là 20% tổng số vốn góp ghi trong vốn Điều lệ công ty trong suốt thời gian đương nhiệm và trong thời gian 2 năm kể từ ngày thôi giữ chức thành viên HĐQT. Sau thời hạn này, Cổ đông có toàn quyền thực hiện các giao dịch nêu trên.
- 10.1.2 Cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được thực hiện theo quy định tại khoản 20.1 Điều 20 và khoản 7.2 Điều 7 Điều lệ này, trong suốt thời gian đương nhiệm và trong thời gian 2 năm kể từ ngày thôi giữ chức thành viên HĐQT.
- 10.1.3 Sau khi thanh toán đầy đủ cho những cổ phần đã đăng ký mua, Cổ đông được Công ty cấp tờ cổ phiếu. Trong các trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và trả chi phí do Công ty quy định.

10.2 Thừa kế cổ phần

- 10.2.1 Trường hợp Cổ đông đã mất, người thừa kế hợp pháp có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của Cổ đông đó. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng quyền thừa kế hợp pháp của Cổ đông và thực hiện các thủ tục thừa kế cổ phần cho Cổ đông mới khi có đủ giấy tờ chứng minh quyền thừa kế. Công ty có quyền chưa thừa nhận việc thừa kế khi có tranh chấp giữa những người thừa kế.
- 10.2.2 Việc chào bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần của Công ty cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11: Chào bán cổ phần, chứng khoán

- 11.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị

trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những Trường hợp sau đây:

- 11.1.1. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - 11.1.2. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - 11.1.3. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 11.2. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- 11.2.1. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
 - 11.2.2. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do Công ty phát hành;
 - 11.2.3. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
 - 11.2.4. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ Trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.
- 11.3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều 22 của Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 11.4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều 22 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 11.5. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của Chính phủ.

Điều 12: Thanh toán chứng khoán

- 12.1. Cổ phần và các loại chứng khoán khác của Công ty sẽ ghi bằng đồng Việt Nam và thanh toán bằng tiền Việt Nam, hoặc tài sản khác do Hội đồng Quản trị quyết định.
- 12.2. Cổ phần và các loại chứng khoán khác của Công ty phải được thanh toán đầy đủ theo quy định.

Điều 13: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông

- 13.1 Cổ đông bỏ phiếu không đồng ý với Quyết định về các chuyển đổi hình thức : chia, tách, sáp nhập, hợp nhất Công ty, hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty làm thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông thì có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình.
- 13.2 Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quyết định về vấn đề nói trên, Cổ đông nói tại khoản 1 của Điều này phải gửi yêu cầu Công ty mua lại cổ phần bằng văn bản đến Công ty. Yêu cầu phải nêu rõ tên Cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công ty mua lại.
- 13.3 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông nói trên với giá do hai bên thỏa thuận trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng

Điều 14: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- 14.1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- 14.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- 14.3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 15: Thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

- 15.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại các Điều 13 và 14 của Điều lệ này, nếu Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại.
- 15.2 Trường hợp tổng trị giá tài sản của Công ty trong sổ kế toán giảm hơn 10% sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, Công ty phải thông báo điều này cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.
- 15.3 Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại các điều 13 và 14 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.

- 15.4 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty (Khoản 3 điều 92 Luật doanh nghiệp).

Điều 16: Cổ tức

- 16.1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

- 16.2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

- 16.3. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

- 16.4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 17: Cổ phiếu

Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty. Mỗi cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cho một hay nhiều cổ phần trong Công ty.

Cổ phiếu ít nhất phải có các nội dung :

1. Tên, trụ sở, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
2. Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
4. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
5. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
6. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

- 7 Số đăng ký tại sở đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.
- 8 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên.

Điều 18: Hình thức cổ phiếu.

Công ty sẽ phát hành cổ phiếu dưới hai hình thức : cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu vô danh

- 18.1 Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu có ghi tên chủ sở hữu trên tờ cổ phiếu. Loại cổ phiếu này được sử dụng cho Cổ đông là :
 - a. Thành viên Hội đồng Quản trị.
 - b. Cổ đông sáng lập
- 18.2 Cổ phiếu vô danh : là cổ phiếu không ghi tên người chủ sở hữu. Loại cổ phiếu này được sử dụng cho tất cả các Cổ đông khác ngoài các Cổ đông đã được quy định tại khoản 1, Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 19: Cổ đông

- 19.1 Cổ đông của Công ty là chủ sở hữu một hay nhiều cổ phần của Công ty. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm với các hoạt động kinh doanh của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp. Sự vỡ nợ hay can án của bản thân từng Cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Trường hợp quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến sở hữu của Cổ đông thì tùy tình hình thực tế Công ty sẽ mua lại hoặc làm thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với những cổ phần đó.
- 19.2 Cổ đông của Công ty có thể là pháp nhân hoặc cá nhân từ 18 tuổi trở lên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nắm giữ ít nhất một (1) cổ phần của Công ty và đáp ứng đủ các điều kiện luật định về góp vốn vào Công ty. Công ty có ít nhất ba (3) cổ đông trong suốt thời gian hoạt động.
- 19.3 Một cổ đông sẽ được công nhận sau khi thanh toán đủ giá trị cổ phần đặt mua và tên của người đó được lưu vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 19.4 Cổ đông sáng lập là những cổ đông thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.
- 19.5 Đại diện của cổ đông tại Công ty:
 - 19.5.1 Người đại diện hợp pháp của Cổ đông tại Công ty có thể là Đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
 - 19.5.2 Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty.
 - 19.5.3 Việc ủy quyền nói trên phải được lập thành văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện của mình phải gửi thông báo bằng văn bản cho HĐQT.
 - 19.5.4 Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Mọi trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện của một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông đó bằng văn bản.
- 19.6 Trong trường hợp một cổ đông là pháp nhân mới được thành lập từ việc chuyển đổi, sáp nhập hoặc hợp nhất từ một cổ đông trước đây hoặc được kế thừa quyền và nghĩa vụ của một pháp nhân trước đây, cổ đông là pháp nhân mới phải gửi cho HĐQT các văn bản, tài liệu hợp pháp chứng minh về việc chuyển đổi, sáp nhập, kế thừa để HĐQT giải quyết các

vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần và người đại diện theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông bị chia tách hoặc giải thể, cổ phần của cổ đông đó phải được chuyển nhượng cho một pháp nhân hoặc cá nhân khác.

Điều 20: Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông phổ thông

20.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau :

- 20.1.1 Sở hữu một phần giá trị tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp vào vốn Điều lệ của Công ty và được chia lợi tức cổ phần tương ứng với tỷ lệ vốn góp vào Công ty
- 20.1.2 Tham dự và biểu quyết hoặc ủy quyền cho Cổ đông khác thực hiện quyền lợi của mình theo quy định của Điều lệ này tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Mỗi cổ phần có 1 phiếu biểu quyết.
Trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền cho chủ tọa biết trước khi khai mạc. Người được ủy quyền tham dự không được ứng cử với tư cách của chính mình và không được ủy quyền lại.
- 20.1.3 Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- 20.1.4 Có quyền tham gia vào Hội đồng Quản trị nếu có đủ các điều kiện quy định tại Điều lệ này
- 20.1.5 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng Cổ đông trong Công ty.
- 20.1.6 Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với cổ phần góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và Cổ đông loại khác.
- 20.1.7 Sở hữu cổ phần vĩnh viễn.
- 20.1.8 Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình như đã quy định tại Điều 13
- 20.1.9 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn 6 tháng liên tục có quyền đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát theo các tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ này.
- 20.1.10 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần của Công ty trong thời hạn 6 tháng liên tục, ngoài các quyền đã được quy định tại điều này, được thêm quyền :
 - a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.
 - b. Đề cử vào Hội đồng quản trị;
 - c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - e. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - f. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp

pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

g. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

20.1.11. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 20.1.10 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

20.2 **Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ:**

20.2.1 Thanh toán đầy đủ số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ Trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

20.2.2 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

20.2.3 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT.

20.2.4 Phải hoàn trả cho Công ty:

a Số tiền hoặc tài sản khác đã nhận được từ việc Công ty thanh toán các cổ phần được mua lại theo quy định tại các điều 13 và 14 của Điều lệ này nhưng việc thanh toán này trái với quy định tại khoản 15.1 điều 15 của Điều lệ này.



b. Số cổ tức được chia không hợp pháp theo quy định tại khoản 48.1 của Điều lệ này.

20.2.5 Tham dự và biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo các hình thức đã được quy định tại bản Điều lệ này. Nếu không thực hiện nghĩa vụ này, Cổ đông được xem như đã từ bỏ quyền lợi của mình và mọi sự khiếu nại sẽ không được chấp nhận.

20.2.6 Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 21: Thay thế Cổ đông

21.1 Cổ đông sáng lập thay đổi người đại diện đang là thành viên Hội đồng Quản trị thì chức danh thành viên Hội đồng Quản trị mặc nhiên được kế thừa cho người đại diện mới của Cổ đông đó sau khi Hội đồng Quản trị xem xét và nhất trí.

21.2 Trong trường hợp cổ đông pháp nhân bị giải thể thì cổ phần của Cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc thể nhân khác. Trong trường hợp cổ đông pháp nhân bị phá sản, sau khi quyết định tuyên bố phá sản có hiệu lực pháp luật, số cổ phần đó hoặc Công ty sẽ mua lại cổ phần của pháp nhân này theo quy định của Hội đồng thanh lý tài sản của cổ đông pháp nhân trên, trên cơ sở giá quy định tại khoản 14.2 của Điều lệ Công ty, hoặc chuyển quyền sở hữu cho chủ nợ được hội đồng thanh lý tài sản tuyên bố là chủ sở hữu hợp pháp đối với số cổ phần đó. Chủ nợ là pháp nhân, thể nhân sở hữu cổ phần nói trên có quyền nhượng lại cho pháp nhân, thể nhân khác theo đúng quy định của pháp luật.

21.3 Trong trường hợp pháp nhân được tổ chức lại (chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức) thì pháp nhân kế thừa sẽ tiếp nhận quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của pháp nhân được tổ chức lại sau khi gửi cho Công ty văn bản đề nghị việc thay thế đại diện Cổ đông, đồng thời gửi kèm các văn bản pháp lý theo luật định có chữ ký của người đại diện có thẩm quyền của tổ chức về việc sáp nhập, chia tách, hợp nhất hoặc chuyển đổi.

21.4 Trong trường hợp bất kỳ Cổ đông nào chết hoặc chấm dứt hoạt động, thì những người hay tổ chức được nêu dưới đây phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của Cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động.

a. Những người thừa kế (đối với cá nhân);

b. Những người hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với tổ chức); hoặc

c. Những người hay tổ chức thừa kế hay thừa kế theo quyết định của toà án (trong trường hợp không có người thừa kế hoặc kế thừa).

Người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của Cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông khác của Công ty.

Điều 22: Sổ đăng ký Cổ đông.

22.1 Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có nội dung chủ yếu như sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và tổng số của từng loại;
 - c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;
 - e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
- 22.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán
- 22.3 Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC - QUẢN LÝ CÔNG TY.

A. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 23: Nhiệm vụ và quyền hạn

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty với nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 23.1 Thông qua định hướng phát triển của Công ty do Hội Đồng Quản Trị đề nghị;
- 23.2 Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận và các quỹ do Hội đồng Quản trị đề nghị. Thông qua các báo cáo cùng tài liệu khác có liên quan của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- 23.3 Quyết định việc tăng, giảm vốn Điều lệ và thay đổi mệnh giá cổ phiếu;
- 23.4 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định trong Điều lệ này;
- 23.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng được quy định tại Điều 41 Điều lệ này.
- 23.6 Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 23.7 Xem xét, quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của công ty;
- 23.8 Quyết định số lượng và loại Cổ phần, trái phiếu được quyền chào bán của từng loại; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- 23.9 Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát hoặc các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của Đại Hội đồng Cổ đông;
- 23.10 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây ra cho Công ty
- 23.11 Quyết định về việc sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, chia và tách, giải thể Công ty và xin phép gia hạn hoạt động của Công ty;

Điều 24: Phương thức hoạt động

24.1 Đại hội đồng cổ đông họp Thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông có thể ra nghị quyết, quyết định bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.

24.2 **Đại hội đồng cổ đông thường niên:** Đại hội đồng cổ đông phải họp Thường niên trong thời hạn bốn tháng, tối đa không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ:

Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

24.2.1 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;

24.2.2 Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

24.2.3 Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;

24.2.4 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty khi cần thiết, trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này;

24.2.5 Thông qua các báo cáo tài chính và các đề nghị của HĐQT liên quan đến tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, quyết toán của năm tài chính; các kế hoạch phân phối và sử dụng lợi nhuận, thanh toán cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ và phê chuẩn các báo cáo của Ban Kiểm soát;

24.2.6 Thông qua định hướng phát triển của Công ty, nhiệm vụ và chiến lược kinh doanh và đầu tư cho năm tiếp theo. Quyết định việc liên doanh hoặc hợp tác kinh doanh. Xem xét và quyết định các giải pháp nhằm làm thay đổi cải thiện vị thế tài chính của Công ty;

24.2.7 Quyết định tăng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu và các hình thức tín dụng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi (50) phần trăm Vốn Điều lệ của Công ty;

24.2.8 Ấn định mức thù lao và các phúc lợi khác của HĐQT và Ban kiểm soát;

24.2.9 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

24.3 **Đại hội đồng cổ đông bất thường :**

Đại hội đồng Cổ đông bất thường được họp để sửa đổi Điều lệ của Công ty, xem xét việc HĐQT vi phạm nghiêm trọng các quy định của Điều lệ và giải quyết các công việc khẩn cấp khác của Công ty.

Các quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ bất thường:

24.3.1 Quyết định phương thức giải quyết các vấn đề bất thường và các tranh chấp hoặc vụ kiện nghiêm trọng.

24.3.2 Xem xét lỗi của HĐQT hoặc Ban kiểm soát, cách chức hoặc bầu cử bổ sung thành viên hoặc thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT hoặc kiểm soát viên đã vi phạm Điều lệ gây ra thiệt hại cho Công ty hoặc khi số lượng thành viên bị giảm thấp hơn số thành viên quy định tại Điều lệ này;

24.3.3 Biểu quyết sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

24.3.4 Giải quyết các vấn đề gây ra sự thay đổi nghiêm trọng hoặc biến đổi bất ngờ

trong Công ty;

24.3.5 Tuyên bố phá sản hoặc quyết định thanh lý hoặc giải thể Công ty;

24.3.6 Giải thể các chi nhánh và văn phòng đại diện;

24.3.7 Giải quyết các vấn đề khẩn cấp khác

24.4 Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản

Trong trường hợp xét thấy không cần cần thiết phải triệu tập Đại hội đồng cổ công bất thường, Công ty có thể không triệu tập Đại hội đồng cổ đông mà sẽ thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Các vấn đề không được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Thông qua định hướng phát triển công ty
- b. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- c. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- d. Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 25: Triệu tập Đại hội đồng Cổ đông

25.1 Thẩm quyền triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông theo :

- a. Quyết định của HĐQT ;
- b. Yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, hoặc yêu cầu của Ban kiểm soát khi HĐQT vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 42 của Điều lệ hoặc khi HĐQT ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

25.2 HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng quy định tại khoản 25.1 nêu trên. Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu sẽ thay thế đứng ra triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.

25.3 Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông được gửi trực tiếp đến các Cổ đông bằng văn thư hoặc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trước 07 ngày. Thông báo sẽ ghi rõ địa điểm, ngày giờ họp, chương trình nghị sự và các tài liệu cần thiết khác được gửi kèm.

25.4 Người có thẩm quyền triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến các Cổ đông có quyền dự họp.

Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký Cổ đông Công ty. Danh sách này phải được lập xong chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng Cổ đông. Cổ đông, hoặc nhóm Cổ đông đại diện cho trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền xem xét và khiếu nại đối với Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 26: Điều kiện, thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

26.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- a. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được coi là hợp lệ khi có sự tham gia của đại diện hợp pháp hoặc đại diện theo ủy quyền hợp lệ của nhóm Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết.

- b. Nếu cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành nêu tại mục a, khoản 26.1 của Điều lệ này thì cuộc họp thứ 2 được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ 2 được tiến hành khi có sự tham gia của đại diện hợp pháp hoặc đại diện theo ủy quyền hợp lệ của nhóm Cổ đông đại diện cho 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c. Nếu cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành nêu tại mục b, khoản 26.1 của Điều lệ này thì cuộc họp lần thứ ba được triệu tập trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ 3 được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp.
- 26.2 Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông bất thường : ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hoặc của hơn 4/7 số thành viên HĐQT, hoặc 2/3 số thành viên trong Ban Kiểm soát, hay nhóm cổ đông quy định tại Mục 20.1.10 khoản 20.1. Điều 20 của Bản Điều lệ này và chỉ được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất chiếm 75% số cổ phần có quyền biểu quyết. Quyết định của ĐHĐCĐ bất thường phải được số cổ đông đại diện cho trên 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.
- 26.3 Thê thức tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông.
- a. Chủ Tịch HĐQT, sẽ là người chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- b. Chủ tọa thông qua Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban thư ký Đại hội, và Ban Kiểm phiếu, Ban thư ký Đại hội đồng Cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận tư cách các Cổ đông. Tiêu chuẩn Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
- c. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải có biên bản và được ghi chép vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và 02 Kiểm phiếu viên phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ Tịch HĐQT hoặc 02 ủy viên HĐQT hoặc 02 Kiểm phiếu viên mới có giá trị,
- 26.4 Tất cả chi phí cho việc tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công ty.

Điều 27: Đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền

- 27.1 Trong trường hợp Cổ đông là tổ chức thì đại diện hợp pháp tham gia Đại hội đồng Cổ đông là người đại diện hợp pháp của Cổ đông tổ chức đó. Việc thay thế người có tư cách đại diện cho Cổ đông là tổ chức tham gia Đại hội đồng Cổ đông hoặc HĐQT của Công ty do người có thẩm quyền của Cổ đông là tổ chức quyết định, nhưng phải thông báo cho HĐQT của công ty biết bằng văn bản chậm nhất là mười lăm ngày trước phiên họp của Đại hội đồng Cổ đông. Sự thay thế (nếu có) không được gây trở ngại cho hoạt động của HĐQT.
- 27.2 Đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tham gia Đại hội đồng Cổ đông là người được Cổ đông hoặc đại diện hợp pháp của Cổ đông ủy quyền hợp lệ. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết là Cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại. Việc ủy quyền được thực hiện từng lần và bằng văn bản.
- 27.2.1 Cổ đông là tổ chức ủy quyền hoặc cử người đại diện phải thể hiện bằng văn bản hợp lệ theo quy định của Điều lệ của tổ chức đó.
- 27.2.2 Việc ủy quyền của Cổ đông là cá nhân phải có xác nhận của Công chứng Nhà nước, hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nếu nơi đó không có cơ quan Công chứng.
- 27.2.3 Người ký giấy ủy quyền có thể thay đổi, hoặc thu hồi sự ủy quyền bằng một

thông báo bằng văn bản gửi trực tiếp cho Hội đồng Quản trị.

Điều 28: Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông

28.1 Việc biểu quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thực hiện theo 2 hình thức:

- a. Biểu quyết trực tiếp của các Cổ đông có quyền biểu quyết tại phiên họp;
- b. Biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản của các Cổ đông có quyền biểu quyết. Mỗi cổ phần có 01 phiếu biểu quyết. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

28.2 Trường hợp Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp thì thực hiện trên nguyên tắc công khai, hoặc bỏ phiếu kín được quy định cụ thể như sau:

28.2.1 Các quyết định sau đây được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp có quyền biểu quyết chấp thuận:

- a. Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại;
- b. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty;
- c. Quyết định tổ chức lại Công ty;
- d. Quyết định giải thể Công ty;
- e. Quyết định bán tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng số tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty.
- f. Quyết định tham gia vào thị trường chứng khoán tập trung.

28.2.2 Các quyết định khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

28.3 Trường hợp các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng việc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số Cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị sẽ phải làm các công việc sau:

- a. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.
- b. Nội dung phiếu lấy ý kiến gồm có: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Mục đích lấy ý kiến; Vấn đề cần lấy ý kiến và Danh mục các tài liệu tương ứng gửi kèm; Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; Phương án biểu quyết “nhất trí”, “không nhất trí”, “ý kiến khác”;
- c. Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông;
- d. Quá thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, mà Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông không gửi phiếu lấy ý kiến của mình về Công ty, thì được coi như đã chấp nhận nội dung phiếu lấy ý kiến.
- e. Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu; Thông báo kết quả kiểm phiếu và các quyết định được thông qua đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ thời hạn cuối cùng mà Cổ đông

phải ý kiến của họ về Công ty.

- 28.4 Mỗi Cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông khi biểu quyết được tính số phiếu theo số cổ phần, loại cổ phần mà họ sở hữu và/hoặc đại diện.
- 28.5 Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực thi hành đối với mọi Cổ đông kể cả các Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
- 28.6 Mọi khiếu nại về kết quả biểu quyết chỉ được xem xét tại Đại hội đồng Cổ đông, mọi sự phản đối các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vào bất kỳ lúc nào, nơi nào khác đều được coi là không hợp lệ.
- 28.7 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền Tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 28.8 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 29: Sổ biên bản

- 29.1 Tất cả các cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty.
- 29.2 Các báo cáo của thành viên Hội đồng Quản trị cũng được lưu giữ cùng báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, và những văn bản gốc khác theo quy định của Hội đồng Quản trị.
- 29.3 Biên bản các cuộc họp phải làm xong, được thông qua ngay trước khi bế mạc và có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Thời gian và địa điểm họp;
 - b. Chủ tọa và thư ký buổi họp;
 - c. Tổng số Cổ đông dự họp và tỷ lệ vốn Điều lệ mà họ sở hữu hoặc đại diện.
 - d. Chương trình nghị sự;
 - e. Tóm tắt ý kiến phát biểu tại cuộc họp ;
 - f. Kết quả biểu quyết từng vấn đề, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng và các quy định được thông qua;
 - g. Họ, tên và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người Chủ tọa phiên họp và thư ký cuộc họp.
- 29.4 Trừ những người theo quy định của pháp luật đương nhiên có quyền xem sổ biên bản và các tài liệu khác theo Điều lệ này, những người khác muốn xem Sổ biên bản và các tài liệu này phải có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 29.5 Sổ biên bản, các tài liệu khác theo Điều lệ này, được lưu giữ cùng với Sổ đăng ký Cổ đông.

Điều 30 : Yêu cầu hủy nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 30.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- 30.2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 31: Hội Đồng Quản Trị

- 31.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra để quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng Cổ đông, có toàn quyền nhân danh công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
- 31.2 HĐQT thông qua các nghị quyết bằng cách biểu quyết tại phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- 31.3 Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm tập thể trước Đại hội đồng Cổ đông về việc quản lý Công ty theo pháp luật, theo Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
- 31.4 Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ 05(năm) năm.
- 31.5 HĐQT có ít nhất ba (3) thành viên, được bổ nhiệm hay bãi nhiệm bởi ĐHĐCĐ thông qua việc bỏ phiếu kín trực tiếp. Thành viên HĐQT sẽ được chọn.
- 31.6 Cổ đông hay nhóm Cổ đông nắm từ 10% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tiếp trở lên, được ủy quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào HĐQT.
- 31.7 Phương thức hoạt động của Hội đồng Quản trị sẽ được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 32: Cơ cấu Hội đồng Quản trị

- 32.1 Số lượng các thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo từng kỳ Đại hội. Các Cổ đông được đề cử ứng viên theo quy định sau:
- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - đ) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

Hội đồng Quản trị bầu một Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Khi Hội đồng Quản trị hết nhiệm kỳ, Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng Cổ đông bầu Hội đồng Quản trị mới.

- 32.3 Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng Quản trị giảm quá 2/7 so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
- 32.4 Trong nhiệm kỳ, nếu Cổ đông là pháp nhân thay đổi người đại diện đang là thành viên Hội đồng Quản trị thì chức danh thành viên Hội đồng Quản trị mặc nhiên được kế thừa cho người đại diện mới của Cổ đông đó. Khi đó Cổ đông là pháp nhân phải gửi văn bản đề nghị Hội đồng Quản trị xem xét, nhất trí và báo cáo lại cho Đại hội đồng Cổ đông biết tại phiên họp gần nhất.

Điều 33: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.

Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- 33.1 Chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- 33.2 Quyết định chiến lược phát triển của Công ty, quyết định giải pháp vốn, phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch mua sắm tài sản hàng năm, phương án đầu tư của Công ty, quyết định việc tham gia liên doanh, góp vốn vào các doanh nghiệp, dự án;
- 33.3 Quyết định việc chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại đã được ĐHĐCĐ thông qua; Quyết định việc huy động vốn thêm theo các hình thức khác.
- 33.4 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng Cổ đông;
- 33.5 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và Công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo quy định tại điều 47 Điều lệ này;
- 33.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhà máy Xi măng Tây Ninh và người đại diện của Công ty được cử vào các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty và các chức danh khác do HĐQT Công ty bổ nhiệm;
- 33.7 Quyết định quyết định việc thành lập hoặc đóng cửa của Công ty con, Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong nước và nước ngoài; Quyết định việc chuyển địa điểm cụ thể của trụ sở chính Công ty theo yêu cầu kinh doanh; kiến nghị việc tổ chức lại, hoặc giải thể Công ty. Phê duyệt các quy chế quản trị nội bộ bao gồm:
- Quy chế trình tự, thủ tục triệu tập, biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Quy chế về trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các Cán bộ quản lý chủ chốt.
 - Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - Quy chế Tài chính của Công ty

- e. Quy chế thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành Công ty.
 - f. Quy chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý chủ chốt.
- 33.8 Quyết định việc bán cổ phần cho người nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật;
- 33.9 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng; Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán của từng loại;
- 33.10 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 33.11 Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông, Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- 33.12 Thông qua các vấn đề tiền lương, nhân sự và việc làm; Ban hành và giám sát việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong Công ty theo đề nghị của Tổng Giám Đốc.
- 33.13 Quyết định việc sử dụng vốn dư thừa tạm thời nhàn rỗi dưới các hình thức đầu tư tài chính như mua trái phiếu, cổ phiếu của Công ty khác.
- 33.14 Tổ chức việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.
- 33.15 Xem xét và thông qua các báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính của Công ty hàng tháng, quý và hàng năm.
- 33.16 Quyết định việc kiện tụng, theo dõi kết quả mọi tranh chấp của Công ty.
- 33.17 Triệu tập chuẩn bị nội dung, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên và bất thường.

Điều 34: Thành viên Hội đồng Quản trị

- 34.1 Thành viên Hội đồng Quản trị phải hội đủ các điều kiện sau:
- a. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông. Hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc chuyên môn nghiệp vụ trong ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty
 - b. Có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi, sức khỏe, có đủ khả năng quản lý và phẩm chất để hoàn thành nghĩa vụ xây dựng và phát triển Công ty;
 - c. Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 34.2 Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có thể kiêm chức danh khác trong Ban Tổng giám đốc Điều hành hoặc chức danh quản lý khác.
- 34.3 Trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị
- Thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân khi có hành vi:
- Vi phạm pháp luật nhà nước
 - Vi phạm Điều lệ Công ty.
 - Vi phạm các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- 34.4 Quyền lợi thành viên Hội đồng Quản trị.

- a. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được hoàn lại các chi phí hợp lý trong các công vụ phục vụ Công ty. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí hoạt động hay (chi phí quản lý) của Công ty.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị khi hết nhiệm kỳ có thể được tái cử.
- 34.5 Thành viên Hội đồng Quản trị bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị khi:
- a. Xin từ chức và được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận;
 - b. Không đủ điều kiện sức khỏe theo xác nhận của cơ quan y tế;
 - c. Bị tòa án phạt tù bằng bản án có hiệu lực thi hành hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.
 - d. Bị Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông, hoặc pháp nhân cử làm đại diện tham gia Hội đồng Quản trị bãi miễn hoặc rút ủy quyền;
 - e. Không có đủ năng lực, tiêu chuẩn đảm nhiệm công việc với tư cách là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty như quy định tại Điều 34 và bị bãi miễn theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông hay nhóm Cổ đông mà Thành viên đó đại diện sẽ cử Thành viên mới.
- 34.6 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi miễn thành viên HĐQT trong nhiệm kỳ:
- a. Thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiên bị mất tư cách thành viên trong trường hợp bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm theo quyết định của pháp luật bắt buộc họ phải từ chức.
 - c. Thành viên bị bãi nhiệm do vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Công ty hoặc có hành vi khác gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của Công ty.
 - d. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 35: Điều kiện, thể thức họp Hội đồng Quản trị.

- 35.1 Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất 3 tháng một lần.
- 35.2 Hội đồng Quản trị có thể họp nhiều phiên bất thường theo yêu cầu của:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Ít nhất 2 số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Cổ đông sáng lập đại diện cho ít nhất 5% vốn Điều lệ;
 - d. Ban Kiểm soát;
 - e. Tổng giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác.
- 35.3 Phiên họp của Hội đồng Quản trị được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên hoặc đại diện được ủy quyền tham dự đối với lần triệu tập đầu tiên; 1/2 số thành viên trở lên đối với lần triệu tập thứ hai. Trường hợp sau hai lần triệu tập vẫn không thể triệu tập cuộc họp hợp lệ thì số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt tại cuộc họp được triệu tập lần thứ ba được quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- 35.4 Giấy mời họp, chương trình nghị sự và các tài liệu có liên quan được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trước ngày họp ít nhất 07 ngày.
- 35.5 Các nội dung và kết luận cuộc họp của Hội đồng Quản trị được ghi và lưu giữ tại sổ biên bản của Công ty. Các bản sao biên bản phải có chữ ký của chủ tọa phiên họp.

Điều 36: Nguyên tắc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị

- 36.1 Hội đồng Quản trị hoạt động theo nguyên tắc bàn bạc tập thể và biểu quyết lấy ý kiến. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
- 36.2 Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết, Quyết định tại phiên họp khi được đa số đại biểu tán thành. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất trí với các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị có quyền bảo lưu ý kiến.
- 36.3 Khi có vấn đề cần giải quyết nhưng không thể triệu tập hoặc xét thấy không cần thiết phải triệu tập cuộc họp, thì chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc có thể lấy ý kiến bằng văn bản qua thư tín, fax, cho các thành viên HĐQT về vấn đề cần giải quyết để có căn cứ quyết định. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, thành viên đó phải gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc. Nếu quá thời hạn nêu trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc thì coi như đã chấp nhận nội dung đề cập. Quyết định và nghị quyết của HĐQT được thông qua bằng hình thức này khi có đa số số ý kiến tán thành. Sau đó chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc lập biên bản kết quả lấy ý các thành viên về các vấn đề liên quan.
- 36.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị chủ trì cuộc họp sẽ thay mặt Hội đồng Quản trị ký quyết định thông báo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 36.5 Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép thành biên bản. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được ghi vào "Sổ biên bản" có đánh số trang liên tục, có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp, văn bản này phải được đóng dấu giáp lai và được lưu trữ theo thứ tự thời gian tại trụ sở Công ty.

Điều 37: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 37.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam do Hội đồng Quản trị bầu trong số thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc hoặc bất kỳ chức danh nào trong Ban Tổng Giám đốc điều hành hoặc các chức danh quản lý khác của Công ty.
- 37.2 Chủ tịch HĐQT của Công ty có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
- 37.2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm cá nhân trước Đại hội đồng Cổ đông về hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - 37.2.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - 37.2.3 Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị dưới hình thức khác;
 - 37.2.4 Tổ chức, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - 37.2.5 Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- 37.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt, thành viên được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

C. BAN KIỂM SOÁT

Điều 38: Cơ cấu, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát

38.1 Ban kiểm soát gồm 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên gọi là Kiểm soát viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu và bãi miễn. Trưởng ban kiểm soát phải là Cổ đông hay đại diện cổ đông của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán, kiểm toán, hiểu biết về pháp luật, có thâm niên chuyên ngành nói trên từ 03 (ba) năm trở lên. Ban Kiểm Soát bầu 01 thành viên làm Trưởng Ban Kiểm Soát.

Cơ cấu Ban kiểm soát của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định

- Tổng công ty cao su Việt Nam được quyền đề cử 01 thành viên;
- 02 đơn vị có vốn góp 5% còn lại (không có đại diện trong HĐQT): mỗi đơn vị 01 thành viên

38.2 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát là 05 (Năm) năm và kết thúc sau nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị 03 (ba) tháng. Thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và được hoàn lại các chi phí hợp lý trong các công vụ phục vụ Công ty. Các chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý của công ty.

38.3 Tiêu chuẩn thành viên ban kiểm soát.

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý chủ chốt khác, những người đang phải chấp hành phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

- 39.1 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
- 39.2 Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan tới quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, theo yêu cầu của Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.
- 39.3 Trình Đại hội đồng Cổ đông báo cáo thẩm tra các bảng cân đối kế toán năm tài chính của Công ty.
- 39.4 Thường xuyên thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
- 39.5 Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; Tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 39.6 Có quyền kiểm tra bộ máy điều hành nếu thấy cần, có nhiệm vụ thu thập thông tin cần thiết để trình Đại hội đồng Cổ đông về mọi sự kiện tài chính có ảnh hưởng đến tài sản của Công ty, nhưng không xen vào công việc Quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- 39.7 Đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết.

- 39.8 Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác của Công ty phải cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác;
- 39.9 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo cũng như bí mật của Công ty.
- 39.10 Kiểm soát viên được mời tham gia các phiên họp Hội đồng Quản trị. Trong các phiên họp Hội đồng Quản trị, được quyền chất vấn nhưng không được quyền biểu quyết.
- 39.11 Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

D. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40: Chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc Công ty.

- 40.1 Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị đề cử, bổ nhiệm trong số thành viên HĐQT hoặc tuyển dụng và được ủy nhiệm đủ quyền hạn cần thiết để thi hành các quyết định của HĐQT.

Thời gian làm việc của Tổng Giám Đốc phụ thuộc vào kết quả điều hành của Tổng Giám Đốc. HĐQT sẽ căn cứ vào những thỏa thuận ban đầu khi ủy quyền hoặc khi ký kết hợp đồng lao động để quyết định tiếp tục cho đương nhiệm hay bãi nhiệm Tổng Giám Đốc.

Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Đại diện cho Công ty đàm phán, ký kết hợp đồng phù hợp với điều 41 và điều 47 Điều lệ này. Đại diện cho Công ty trong quan hệ đối ngoại theo sự phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng Cổ đông và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- 40.2 Tổng Giám đốc thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình phù hợp với Điều lệ công ty, các nội quy, quy chế nội bộ khác của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật.

- 40.3 Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi, có kiến thức, kinh nghiệm, sức khỏe, năng lực quản lý để điều hành doanh nghiệp;
- b. Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý như quy định tại Điều 57 của Luật doanh nghiệp;
- c. Không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Giám đốc tại doanh nghiệp khác

- 40.4 Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc và Hợp đồng tuyển dụng, cụ thể như sau:

- a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp không đồng ý với quyết định của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vẫn có trách nhiệm thực hiện quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình bằng văn bản để trình Đại hội đồng Cổ đông trong phiên họp gần nhất;
- c. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị nếu Nghị quyết này trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty. Khi từ chối thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm Soát;
- d. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư theo phương án sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt;

- e. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đối với Hội đồng Quản trị. Đề nghị chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết công việc khẩn cấp của Công ty. Khi yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường nêu trên, Tổng giám đốc phải thông báo về nội dung chương trình nghị sự dự kiến cần giải quyết tại cuộc họp;
 - f. Chỉ được vượt quá thẩm quyền trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật nghiêm trọng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đồng thời phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động, phân công phân nhiệm, khen thưởng kỷ luật và cho thôi việc nhân viên Công ty theo qui chế do HĐQT ban hành.
 - g. Ban hành các Quy chế của công ty, trừ các quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng Quản trị;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm tất cả các chức danh và Cán bộ quản lý trong công ty trừ cán bộ quản lý chủ chốt.
 - i. Tuyển dụng lao động, quyết định mức lương và phụ cấp đối với người lao động trong công ty và người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hội đồng Quản trị tại Quy chế hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành.
- 40.5. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm do thiếu trách nhiệm, không hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất do Hội đồng Quản trị đề ra, hoặc do vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc tài chính, kế toán của Công ty, pháp luật hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.
- 40.6. Giúp việc cho Tổng giám đốc có một hoặc một số Phó Tổng Giám Đốc. Phó Tổng Giám Đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng giám đốc. Quyền hạn, nhiệm vụ của các phó Tổng giám đốc được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ban điều hành Công ty.

Điều 41: Các hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.

- 41.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- 41.1.1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - 41.1.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của Thành viên HĐQT và Tổng giám đốc.
 - 41.1.3. Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác có phần vốn góp hoặc cổ phần.
 - 41.1.4. Doanh nghiệp mà những người liên quan của Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn Điều lệ.
- 41.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao Dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 41.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ Trường hợp quy

định tại khoản 41.2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

41.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 41.2 và khoản 41.3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 42: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các Cán bộ quản lý chủ chốt, Cán bộ quản lý của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, có nghĩa vụ sau đây:

- 42.1 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của Công ty và các Cổ đông của Công ty.
- 42.2 Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không trao tặng Tài sản của Công ty cho người khác.
- 42.3 Không lạm dụng vị trí của mình để hưởng lợi ích tài chính cá nhân, hành xử gây thiệt hại cho Công ty hoặc lợi dụng các cơ hội kinh doanh thuộc về Công ty.
- 42.4 Không tiết lộ bí mật của Công ty trừ khi được phép của HĐQT hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.
- 42.5 Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

- a. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của công ty;
- b. Không được tăng tiền lương, không được trả thưởng cho công nhân viên của công ty, kể cả cho người quản lý;
- c. Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;
- d. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với các chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại hai điểm b; c nêu trên;

42.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ này.

Điều 43: Nhân viên

43.1 Nhân viên là những người làm việc cho Công ty và được trả lương.

43.2 Hệ thống tuyển dụng: việc tuyển dụng và trả lương cho nhân viên sẽ được thực hiện thông qua việc ký kết hợp đồng lao động giữa Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc phân cấp, ủy quyền với nhân viên phù hợp với quy định của luật pháp và Điều lệ này.

43.3 Nhân viên Công ty có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của luật pháp, nội quy, quy chế lao động của Công ty.

43.4 Người lao động có các quyền lợi và nghĩa vụ sau đây:

43.4.1 Tuân thủ các quy định nội bộ của Công ty, bao gồm:

- Tuân thủ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- Tuân thủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.
- Đảm bảo sự trật tự được duy trì trong Công ty.

- Bảo vệ tài sản của Công ty, bảo mật bí mật công nghệ, kinh doanh của Công ty.
- Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao trong phạm vi công việc được giao.

43.4.2 Tuân thủ sự phân công công việc của Công ty:

- Được quy định trong hợp đồng lao động.
- Được trả lương đúng theo hợp đồng lao động và pháp luật.
- Được tạo mọi điều kiện tốt nhất trong làm việc và huấn luyện.
- Được quyền khiếu nại và yêu cầu giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng lao động.
- Được quyền mua bán cổ phần.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN **VÀ LẬP CÁC QUỸ**

Điều 44: Năm tài chính

- 44.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 năm Dương lịch và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch hàng năm.
- 44.2 Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 45: Kế toán

- 45.1 Công ty phải chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo Luật kế toán, thống kê, Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán.
- 45.2 Công ty phải thực hiện công tác kế toán theo hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành.
- 45.3 Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty phải phản ánh trung thực tài sản có, nguồn vốn, doanh thu, chi phí, lãi lỗ của Công ty.
- 45.4 Báo cáo tài chính năm của Công ty phải được công khai và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về kiểm toán trước khi gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước.
- 45.5 Công ty có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tài liệu kế toán theo đúng chế độ bảo quản, lưu giữ hồ sơ tài liệu kế toán hiện hành. Tất cả các văn bản, chứng từ có liên quan đến tài chính phải được lưu tại Văn phòng Công ty trong 5 năm liền để các Cổ đông xem xét khi cần thiết.
- 45.6 Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng giám đốc phải hoàn tất các báo cáo tài chính và gửi cho HĐQT và Ban kiểm soát và chuẩn bị ĐHCĐ.
- 45.7 Cuối mỗi năm tài chính, Hội đồng Quản trị xem xét, thông qua quyết toán đề trình Đại hội đồng Cổ đông :
- Bản cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
 - Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Điều 46 : Mục tiêu và nguyên tắc đầu tư

Công ty phải tập trung vào các nguồn lực tiềm năng để phát triển vốn đầu tư theo các mục tiêu và trên các nguyên tắc sau:

- 46.1 Tập trung đầu tư các dự án phát triển lĩnh vực kinh doanh chính và một số lĩnh vực hỗ trợ cho lĩnh vực kinh doanh chính theo mục tiêu đã đăng ký kinh doanh.
- 46.2 Công ty có thể đầu tư tạm thời vào tất cả các loại chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) được các tổ chức khác phát hành nhằm tránh tình trạng tồn đọng vốn, nhưng chỉ giới hạn ở mức mười (10) phần trăm trên tổng tài sản của Công ty, không bao gồm cổ phần của Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác - trong việc thực hiện chiến lược mở rộng kinh doanh của Công ty.

Điều 47: Quyền về tài chính

Trừ các hợp đồng quy định ở điều 41 và các hoạt động đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp các hoạt động mua tài sản bắt buộc phải được được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông thông qua, các hợp đồng thương mại, quan hệ tín dụng (mượn, cho vay, bán hàng trả chậm, cho thuê tài chính) giữa Công ty và đối tác phải tuân thủ các nguyên tắc sau về quyền tài chính:

Tỷ lệ sử dụng vốn	Thẩm quyền quyết định
- Dưới 10% vốn Điều lệ	Tổng Giám đốc quyết định và sẽ báo cáo lại Chủ tịch HĐQT
- Từ 10% - dưới 20% vốn Điều lệ	Chủ tịch HĐQT và báo cáo lại HĐQT
- Từ 20% - dưới 50% vốn Điều lệ	Phải được HĐQT chấp thuận
- Từ (50) % vốn Điều lệ - trở lên	Phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ

Điều 48: Chia cổ tức và lập các quỹ

- 48.1 Điều kiện để chia lợi nhuận.

Công ty chỉ được chia cổ tức cho các Cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật định và ngay sau khi chia cổ tức, Công ty vẫn có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đáo hạn.

- 48.2 Thu hồi cổ tức đã chia.

Trường hợp chia cổ tức cho Cổ đông trái với khoản 48.1 của Điều lệ này, thì tất cả các Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản đã nhận. Nếu Cổ đông nào không thực hiện việc hoàn trả hoặc mất khả năng hoàn trả nêu trên thì Cổ đông đó và các thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương đương với cổ tức đã được chia tương ứng với cổ phần của Cổ đông đó.

- 48.3 Lợi nhuận của Công ty được xác định như sau :

Lợi nhuận gộp = Tổng thu nhập - Tổng chi phí

Lợi nhuận thuần = Lợi nhuận gộp – Thuế thu nhập Doanh nghiệp

Lãi ròng của công ty cuối mỗi niên khoá tài chính được sử dụng như sau:

- 48.3.1 Trích lập quỹ bổ sung Vốn Điều lệ.

- 48.3.2 Phần còn lại sử dụng như sau:

+ Quỹ khen thưởng;

+ Quỹ phúc lợi;

+ Các quỹ khác;

+ Trả cổ tức cho các Cổ đông.

48.4 Giao cho Ban điều hành Công ty lên kế hoạch lập các quỹ và phương án chia cổ tức trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định.

Điều 49: Giải quyết các khoản lỗ

49.1 Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ sẽ quyết định ngay lập tức việc giải quyết vấn đề bằng hai phương pháp sau:

- Trích quỹ dự trữ để bù vào khoản lỗ.
- Chuyển lỗ sang năm tiếp theo, và đồng thời quyết định biện pháp khắc phục khoản lỗ.

49.2 Trong trường hợp các khoản lỗ kéo dài trong nhiều năm mà không thể khắc phục được bởi các biện pháp tài chính cần thiết, ĐHĐCĐ sẽ cân nhắc và quyết định áp dụng các biện pháp được quy định bởi Luật phá sản doanh nghiệp.

Điều 50: Kiểm toán độc lập

50.1 Khi cần thiết, báo cáo kết thúc năm tài chính của Công ty sẽ được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán nhằm xác định tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp pháp của báo cáo tài chính trước khi trình lên ĐHĐCĐ để xem xét và thông qua.

50.2 Trong trường hợp được yêu cầu bởi ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc Ban Kiểm soát, Công ty có thể yêu cầu một tổ chức kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán một phần hoặc toàn bộ các hoạt động của Công ty, tùy thuộc vào những yêu cầu đặc biệt của mỗi vấn đề cần được kiểm toán. Công ty sẽ chịu tất cả chi phí cho hoạt động kiểm toán.

50.3 Đại hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm sẽ chỉ định hoặc yêu cầu Tổng giám đốc chỉ định một công ty kiểm toán độc lập trình Hội đồng Quản trị phê duyệt để tiến hành các hoạt động kiểm toán cho năm tài chính tiếp theo.

50.4 Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

50.5 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.

50.6 Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của công ty.

50.7 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 51: Quỹ dự phòng tài chính

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG.

Điều 52: Tuyển dụng

Việc tuyển dụng, sử dụng lao động và trả lương, thưởng được thực hiện theo hợp đồng lao động và phù hợp với quy định của pháp luật về lao động.

Điều 53: Chế độ và quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Công ty

53.1 Đối với người lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì được giải quyết theo chế độ hiện hành.

53.2 Thỏa ước lao động tập thể.

Trên cơ sở thương lượng tập thể và tự nguyện, Tổng giám đốc Công ty và đại diện lao động Công ty sẽ ký một thỏa ước lao động hàng năm gồm những nội dung chủ yếu : thời gian lao động và nghỉ ngơi, điều kiện làm việc, bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể và giải quyết tranh chấp lao động, phù hợp với quy chế hiện hành của Bộ luật Lao động.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC LẠI - GIẢI THỂ – PHÁ SẢN - TRANH TUNG.

Điều 54: Tổ chức lại công ty

54.1. Trong quá trình tồn tại, để phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh. Công ty, có thể chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc chuyển đổi hình thức Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.

54.2. Trường hợp pháp luật bắt buộc phải tổ chức lại Công ty, việc thay đổi được tiến hành theo quy định của Pháp luật.

54.3. Trong trường hợp bất kỳ Cổ đông nào chết hoặc chấm dứt hoạt động, thì những người hay tổ chức được nêu dưới đây phải chỉ định một người duy nhất làm đại diện cho những cổ phần của Cổ đông đã chết hoặc chấm dứt hoạt động:

- a. Những người thừa kế (đối với cá nhân);
- b. Những người, hay tổ chức được thay thế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (đối với pháp nhân);
- c. Những người hay tổ chức thừa kế hay kế thừa theo quyết định của toà án (trong trường hợp không có người thừa kế hoặc kế thừa)

Người đại diện này được Công ty coi là người sở hữu những cổ phần của cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động và có quyền và nghĩa vụ như các Cổ đông khác của Công ty.

Điều 55: Giải thể Công ty

55.1. Công ty sẽ giải thể trong các trường hợp sau:

55.1.1 Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi tại Điều lệ mà không được Đại hội đồng Cổ đông quyết định gia hạn hoặc việc gia hạn không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

55.1.2 Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông khi:

- a. Mục tiêu của Công ty không đạt được hoặc sự tồn tại của Công ty không có lợi;
- b. Công ty bị lỗ 3/4 số vốn Điều lệ hoặc đang gặp khó khăn không thể vượt qua

trong các trường hợp bất khả kháng;

- c. Có yêu cầu giải thể của nhóm cổ đông đại diện cho ít nhất 75% số vốn Điều lệ;

55.1.3 Công ty bị giải thể trước thời hạn theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

55.1.4 Không đủ số Cổ đông tối thiểu theo quy định của luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu (6) tháng liên tục.

55.2. Việc giải thể Công ty tiến hành đồng thời với việc giải thể các Công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có) của Công ty.

55.3. Thủ tục giải thể Công ty được tiến hành theo quy định của Pháp luật.

Điều 56 : Gia hạn hoạt động

Khi hết thời hạn hoạt động của công ty, căn cứ tình hình kinh doanh, ĐHĐCĐ có thể xin gia hạn thời gian hoạt động của công ty, việc gia hạn phải lập hồ sơ trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 57: Thanh lý Công ty

57.1. Nếu công ty bị chấm dứt hoạt động theo Điều 55 nêu trên thì sẽ áp dụng Điều khoản này, Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để phê chuẩn việc thành lập Ban Thanh Lý. Ban Thanh lý là người đại diện của Công ty thực hiện các thủ tục thanh lý Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật và thủ tục chấm dứt hoạt động của Công ty, kể cả các công việc phát sinh trong quá trình thanh lý như việc kiện cáo, công nợ,...v.v.;

57.2. Ban thanh lý công ty gồm những người có chuyên môn và hiểu biết trong lĩnh vực này. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ giữ chức Trưởng Ban thanh lý. Công ty có thể mời chuyên gia làm tư vấn trong lĩnh vực này.

57.3. Ban thanh lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a. Tiến hành kiểm kê tài sản toàn bộ các tài sản của Công ty, các khoản nợ và các khoản vay để soạn thảo bản kê khai tài sản có và tài sản nợ. Đánh giá hoặc định giá các tài sản vô hình và lợi ích khác của Công ty;
- b. Lập kế hoạch và tiến hành thanh lý các hợp đồng và thanh toán các khoản vay, nợ; và sẽ tiến hành chào bán:

* Lợi ích của các Cổ đông;

* Các tài sản của Công ty.

Theo giá không thấp hơn đơn giá đã được xác định bằng sự đánh giá khách quan do một bên đánh giá độc lập thứ ba được Hội đồng Quản trị chỉ định.

- c. Ban Thanh lý sẽ trình Biên bản Thanh lý lên Đại hội đồng Cổ đông sau khi hoàn thành việc thanh lý và thanh toán. Chi phí thanh lý bao gồm cả lương cho các thành viên Ban thanh lý;
- d. Ban thanh lý gửi hồ sơ về giải thể Công ty đến cơ quan đăng ký kinh doanh và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

57.4. Phân chia tài sản.

Các tài sản còn lại của Công ty sau khi thanh toán mọi nghĩa vụ theo quy định, sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn của họ góp vào Công ty; Không cổ đông nào bị ép buộc phải chấp nhận bất cứ tài sản nào của Công ty.

Điều 58: Phá sản

Việc phá sản công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Điều 59: Bảo đảm

Mọi Cổ đông của Công ty phải đảm bảo rằng tài sản mà họ góp vào Công ty là tài sản hợp pháp và không phải là đối tượng đang bị tranh chấp hoặc kiện tụng.

Điều 60: Bảo hiểm

Các tài sản của Công ty có thể được bảo hiểm tại các Công ty Bảo hiểm. HĐQT sẽ quyết định loại, giá trị, thời hạn mua bảo hiểm ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định.

Điều 61: Giải quyết tranh chấp giữa Cổ đông với Công ty.

Trường hợp tranh chấp giữa Cổ đông Công ty với Công ty sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng, hoà giải giữa các bên tranh chấp. Trường hợp không thương lượng bằng hoà giải được thì một bên hay các bên sẽ đưa vụ việc ra xét xử tại Toà án có thẩm quyền tại Việt Nam. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Tổng giám đốc hoặc người khác đại diện Công ty trong quá trình tranh tụng.

Điều 62 : Tranh tụng

- 62.1. Đại diện theo pháp luật của công ty có thể ủy quyền cho lại cho một người khác làm đại diện hợp pháp của công ty tham gia tố tụng.
- 62.2. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật như những cá nhân hoặc tổ chức khác nếu một tranh chấp được kiện ra tòa án.
- 62.3. Cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có quyền theo quy định của pháp luật sẽ đưa ra quyết định giải quyết tranh chấp liên quan đến Công ty trong thời gian Công ty hoạt động bình thường cũng như trong thời gian giải thể Công ty.
- 62.4. Mỗi cổ đông có quyền gửi khiếu nại liên quan đến quyền lợi hợp pháp của họ và yêu cầu bồi thường cho những thiệt hại bị gây ra bởi bất kỳ thành viên nào của Công ty. Nếu HĐQT bỏ qua những khiếu nại như vậy, cổ đông có thể đề cử một đại diện để đưa vụ việc ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.

Điều 63: Hoạt động của các tổ chức, đoàn thể

Công ty có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Đảng, Đoàn thể được Luật pháp Việt Nam chấp nhận, hoạt động phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 64: Các quy định khác

- 64.1 Nếu còn có phạm vi mà Điều lệ này chưa điều chỉnh thì sẽ được áp dụng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các quy định khác của pháp luật.
- 64.2 Điều lệ này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông sáng lập chấp thuận.
- 64.3 Các Điều khoản của Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- 64.4 Điều lệ này ràng buộc những người thừa kế và người được chuyển nhượng các lợi ích và nghĩa vụ sau này của Công ty.

Điều 65 : Con dấu

- 65.1. Con dấu của Công ty sẽ được khắc theo mẫu quy định của Bộ Công an. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký với cơ quan công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch.
- 65.2. Các văn bản chính thức của Công ty phải có con dấu của Công ty trên chữ ký của Chủ tịch HĐQT, hoặc Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc của Công ty. Cán bộ quản lý của Công ty được sử dụng con dấu theo quy chế về sử dụng con dấu do Tổng giám đốc ban hành.
- 65.3. HĐQT sẽ ủy quyền cho Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 66: Hiệu lực thi hành

- 66.1. Bản Điều lệ này được áp dụng cho Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh
- 66.2. Tất cả cổ đông của Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành bản Điều lệ này.
- 66.3. Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 67: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty

- 67.1. Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có điều khoản nào trong Điều lệ này không còn thích ứng với hoàn cảnh mới hoặc quy định mới của pháp luật thì Đại hội đồng Cổ đông có thể xem xét để sửa đổi, bổ sung.
- 67.2. Mọi sửa đổi Điều lệ phải do Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng quyết định theo tỷ lệ biểu quyết quy định tại khoản 28.2.1 điều 28 của bản Điều lệ này.

Điều 68: Điều khoản thi hành

Bản Điều lệ này bao gồm 8 chương và 68 điều, và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thông qua bằng Nghị quyết số 01/NG-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 02 năm 2015. Tất cả cá nhân và tổ chức mà Điều lệ này áp dụng phải có trách nhiệm tuân thủ nghiêm chỉnh nghĩa vụ và quyền hạn mà họ được giao.

- 68.1. Điều lệ này được lập thành 12 bản chính có hiệu lực như nhau, bao gồm:

- Sáu (6) bộ sẽ được lưu giữ tại văn phòng Công ty.
- Mỗi cổ đông sáng lập giữ một (1) bộ.

- 68.2. Chỉ có những Điều lệ hoặc bản trích lục có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hơn một nửa thành viên Hội đồng quản trị ký mới có hiệu lực

Tp.HCM, ngày 06 tháng 02 năm 2015.



CHỦ TỊCH
NGUYỄN QUANG TRUNG